

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS - ST

Ngày: 30/9/2025

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.

2. Ông Vũ Xuân Dự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số **06/2025/QĐXXST – DS** ngày 15 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm A, xã Y, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm A, xã Y, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, Ông Q vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Do có quan hệ là bạn bè thân thiết với nhau và người cùng xã tháng 12 năm 2023 ông T đã cho Ông Nguyễn Văn Q vay tiền để chuộc con ông Q ở bên Campuchia về với tổng số tiền cho vay là 150.000.000đ. Hai bên không viết văn bản với nhau, nhưng hai bên có nhấn tin trao đổi với nhau về nội dung vay tiền, mục đích vay tiền và thời gian vay là 6 tháng. Do quan hệ bạn bè thân thiết nên ông T không tính lãi đối với khoản tiền vay trên, ông T đã trực tiếp chuyển khoản số tiền 150.000.000đ cho ông Q vào ngày 17 tháng 12 năm 2023. Sau khi vay nợ ông Q mới trả được cho ông T số tiền 60.000.000đ. Hết thời hạn trên ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nốt số tiền còn nợ cho ông T nhưng ông Q không trả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T số tiền là 90.000.000đ. Ông T không yêu cầu ông Q phải trả lãi đối với khoản nợ trên.

*Trong bản tự khai ngày 16 tháng 6 năm 2025 trong thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án ông Nguyễn Văn Q có văn bản trình bày:*

Do có mối quan hệ bạn bè và là người cùng xã nên cuối năm 2023 ông Trần Văn T có cho ông Q vay số tiền 150.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Ông T trực tiếp chuyển khoản số tiền trên cho ông Q. Hai bên không viết giấy, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, ông T cho vay không tính lãi. Sau khi vay tiền của ông T thì bản thân ông Q cũng đã trả nợ cho ông Q hai lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng ngoài ra ông Q cũng thừa nhận ngoài việc vay nợ ông T khoản tiền 150.000.000 đồng nói trên thì còn vài lần ông T có làm mái tôn cho ông Q và ông Q còn nợ ông T là 105.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Q không có khả năng trả nợ cho ông T, ông T đề nghị được trả dần khoản nợ trên.

Do các bên không thỏa thuận được số tiền nợ cũng như phương thức thanh toán nợ. Do vậy vụ án đã chuyển sang thủ tục tố tụng theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ là **90.000.000 đồng**.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn T khởi kiện ông Nguyễn Văn Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm A, xã Y, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn ông Trần Văn T, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Q, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt lần hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp và những vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

Do có quan hệ bạn bè và là người cùng xã nên tháng 12 năm 2023 ông Trần Văn T cho ông Nguyễn Văn Q vay tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Các bên không viết văn bản với nhau về khoản vay nhưng có lịch sử việc giao dịch ông T chuyển tiền cho ông Q cũng như lịch sử các tin nhắn hai bên nhắn tin cho nhau về nội dung khoản vay này. Mặt khác cả cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận khoản vay này. Sau khi vay nợ ông Q đã trả cho ông T được 60.000.000 đồng. Bản thân ông Q có thừa nhận khoản vay 150.000.000 đồng nhưng đối với khoản vay này ông Q đã trả cho ông T được 70.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 80.000.000 đồng đối với khoản vay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Hòa giải để các bên đương sự thống nhất với nhau về các nội dung trong vụ án,

ông Q đã cố tình vắng mặt. Không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông đã trả cho ông T 70.000.000đ như ông trình bày. Ông T thừa nhận ông Q mới trả nợ cho ông T 60.000.000đ. Như vậy nay cần buộc ông Q phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng.

Do vậy nay ông Trần Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ ngay cho ông T số tiền còn nợ là 90.000.000đ và ông T không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền trên. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nay cần buộc ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Văn T số tiền là: **90.000.000 đồng**

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T được chấp nhận nên ông T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ theo quy định của pháp luật để sung ngân sách nhà nước

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 280, 357, 463, 466 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền còn nợ là **90.000.000 đồng** (*chín mươi triệu đồng*)

2. Về án phí:

Ông Trần Văn T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0000112 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày ông Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Q không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Khanh**